

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Sư phạm lịch sử

Mã số: 7140218

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

1.1. Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học	1.2. Tên tiếng Anh: Science socialism
1.3. Mã học phần: MLCNXH.126	1.4. Số tín chỉ: 02
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	20 tiết
- Thảo luận nhóm:	
- Bài tập	10 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Triết học Mác-Lênin
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Kinh tế chính trị Mác-Lênin

2. Mục tiêu**2.1. Mục tiêu chung**

Cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản, cốt lõi và chuyên sâu về CNXHKKH, từ đó hình thành các kỹ năng cơ bản và kỹ năng chuyên ngành để phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn về chính trị - xã hội liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Đồng thời hình thành và phát triển thái độ tích cực, năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với các hoạt động của cộng đồng xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể**2.2.1. Về kiến thức**

Cung cấp những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất, mở rộng và chuyên sâu về chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin.

2.2.2. Về kỹ năng

Cung cấp năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị, xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

2.2.3. Về thái độ

Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Hiểu một cách hệ thống và cốt lõi về các vấn đề của chủ nghĩa xã hội khoa học, đó là sự ra đời, các giai đoạn phát triển của CNXHKKH, ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKKH, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác-Lênin; Sứ mệnh lịch sử của GCCN; CNXHKKH và TKQĐ lên CNXHKKH; Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp, vấn đề dân tộc, vấn đề tôn giáo, vấn đề gia đình trong TKQĐ lên CNXH.
CLO2	Phân tích, đánh giá được các vấn đề lý luận về xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời áp dụng kiến thức liên ngành, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để lí giải, đánh giá các hiện tượng thực tiễn phát sinh trong TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam hiện nay.
CLO3	Có kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập. Có kỹ năng thuyết trình các sản phẩm, bài tập trong học tập. Có kỹ năng giao tiếp. Có kỹ năng tổ chức các hoạt động nhóm. Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu môn học và công tác sau này. Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, thích nghi làm việc trong các môi trường khác nhau. Có kỹ năng lắng nghe, chọn lọc thông tin và xử lí thông tin.
CLO4	Có kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên ngành CNXHKKH để nhận diện, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học. Có kỹ năng tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

CLO5	Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Có ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương.
CLO6	Có năng lực tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận: biết bảo vệ những quan điểm khoa học và biết phê phán những quan điểm sai trái. Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội. Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	M						I	I		
CLO 2		I	R	R						
CLO 3						R				
CLO 4									M	
CLO 5										
CLO 6										
Tổng hợp học phần	M	I	R	R		R	I	I	M	

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	5%	- Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 7 - Đánh giá theo tiêu chí sau: + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài + Tham gia các hoạt động trong giờ học + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên		X	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7	Điểm danh
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	35%	A2.1. Tuần 7 Bài: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	50%	X	CLO 1	<i>Bài kiểm tra viết cá nhân, bài tập</i>
		A2.2. Tuần 15 Bài: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	50%	X	CLO 3	
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài kiểm tra cuối kỳ: Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học Chương 2: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công dân Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên		X	CLO 1 CLO 2 CLO 4	Thi tự luận, vấn đáp, tiểu luận

	chủ nghĩa xã hội Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa Chương 5: Cơ cấu xã hội chủ nghĩa và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội				
--	---	--	--	--	--

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (2 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/ TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3
--------------------------------------	--	------------------------------------	---	---	--	------------------------------------	--

							bảng 5.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	<p>Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội</p> <p>1.1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.1.1. Chủ nghĩa xã hội khoa học - một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin</p> <p>1.1.2. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.1.3. Vai trò của C Mác và Ph. Ăngghen</p> <p>1.2. Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.2.1. C Mác và Ph. Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới</p> <p>1.2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời</p>	2	<p>1.1. Hiểu được khái niệm chủ nghĩa xã hội khoa học. Ghi nhớ được hoàn cảnh ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học và vai trò của Mác - Ăngghen đối với sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.2. Hiểu được các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.3. Hiểu được đối tượng, phương pháp, ý nghĩa của việc nghiên cứu</p>	<p><i>CLO1</i></p> <p><i>CLO1</i></p> <p><i>CLO2</i></p> <p><i>CLO1</i></p> <p><i>CLO2</i></p>	<p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 1, (tài liệu [1]) trang 3-15</p> <p>- Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản)</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi.</p>	

	<p>1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học</p>		CNXHKH				
2	<p>Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>2.1. Quan niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>2.1.1. Quan niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân</p> <p>2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>2.1.3. Những điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay</p>	2	<p>2.1. Hiểu được khái niệm Giai cấp công nhân và SMLS của GCCN.</p> <p>- Phân tích được nội dung, đặc điểm SMLS của GCCN, những đk quy định và thực hiện SMLS của GCCN.</p> <p>2.2. Hiểu được những đặc điểm của</p>	<p><i>CLO1</i></p> <p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO1</p>	<p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>Chương 2, TL [1], tr16-20.</p> <p>- Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.</p>	

	2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay		giai cấp công nhân hiện nay				
3	<p>Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay</p> <p>2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam</p> <p>2.3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam</p> <p>2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam</p> <p>2.3.3. Phê phán một số quan điểm sai trái, xuyên tạc sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay.</p>	2	<p>- Phân tích được những điểm tương đồng, những biến đổi khác biệt của GCCN hiện nay so với GCCN thế kỷ XIX.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm, nội dung, phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng GCCN VN hiện nay.</p> <p>BT- Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>	<p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 2, TL [1], tr21-23; chuẩn bị bài tập. <u>Bài tập</u>: Phê phán những luận điệu sai trái phủ nhận SMLS của GCCN hiện nay</p> <p>- Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện.</p>	
4	Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời	2			- GV sử dụng	- Phần CB ở nhà:	A.1.

	<p>kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.1. Chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p>		<p>- Hiểu được 4 nghĩa về CNXH.</p> <p>- Phân tích được tính tất yếu KQ của TKQĐ lên CNXH, đặc điểm TKQĐ lên CNXH.</p> <p>- Hiểu được bản chất của việc quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN ở VN.</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO1</p> <p>CLO2</p>	<p>tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>Đọc trước Chương 3, TL [1], tr24-30</p> <p>- Phân CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.</p>	
5	<p>Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3.3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa</p> <p>3.3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam và phương hướng xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p>	2	<p>- Phân tích và vận dụng sáng tạo CN Mác-Lênin vào đk cụ thể của VN (đặc trưng, phương hướng)</p> <p>- Phân tích được những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện những nhiệm vụ của</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO1</p> <p>CLO2</p>	<p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>- Phân CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.</p> <p>- Bài tập: Phân tích làm rõ những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện những nhiệm vụ của TKQĐ lên CNXH ở nước ta và định hướng</p>	

			TKQĐ lên CNXH ở nước ta và định hướng giải quyết. BT- Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6		giải quyết? - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện.	
6	Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ 4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa	2	- Hiểu được khái niệm dân chủ, sự ra đời và phát triển của dân chủ - Hiểu và phân tích được nền dân chủ xã hội chủ nghĩa	CLO1 CLO2 CLO3	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	Phần CB ở nhà: Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT. - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện.	
7	Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa	2	- Hiểu được sự ra đời, phát triển, bản chất của dân chủ và dân chủ XHCN. - Hiểu được sự ra	CLO1 CLO2 CLO2	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT. - Phần CB trên lớp: thuyết trình,	A2.1.

	4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa - Kiểm tra tín chỉ 1		đời, bản chất, chức năng của Nhà nước XHCN - Vận dụng và phân tích được dân chủ XHCN và Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam.	CLO3 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6		trao đổi, phản biện.	
8	Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.3. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam 4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam 4.3.3. Phát huy dân chủ, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay	2	- Hiểu được nền dân chủ XHCN và nhà nước pháp quyền XHCN -Phân tích được những đặc điểm cơ bản của nhà nước pháp quyền XHCN ở VN	CLO2 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT. - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện.	A3
9	Chương 5: Cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 5.1.1. Cơ cấu xã hội	2	- Vận dụng, phân tích cơ cấu XH-GC và liên minh GC, TL	CLO1 CLO2 CLO3	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để	- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập. - Phần CB trên	A2

	<p>5.1.2. Cơ cấu xã hội – giai cấp</p> <p>5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>5.2.1. Tính tất yếu của liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>		<p>ở Việt Nam trong TKQĐ lên CNXH.</p> <p>- Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong việc góp phần tăng cường khối liên minh GC, TL và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở VN hiện nay.</p>	<p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>	<p>hướng dẫn</p>	<p>lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, thuyết trình, báo cáo, phản biện</p>	
10	<p>Chương 5: Tiếp</p> <p>5.2.2. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>5.3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>5.3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã</p>	2	<p>-Hiểu được nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>- Vận dụng, phân tích cơ cấu XH-GC và liên minh GC, TL ở Việt Nam trong TKQĐ lên CNXH</p> <p>- Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>	<p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.</p> <p><u>Bài tập</u>: Trách nhiệm của SV trong việc góp phần tăng cường khối liên minh GC, TL và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở VN hiện</p>	

	hội ở Việt Nam		nhiệm của SV trong việc góp phần tăng cường khối liên minh GC, TL và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở VN hiện nay.			nay? - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, thuyết trình, báo cáo, phản biện	
11	<p>Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>6.1. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>6.1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc</p> <p>6.1.2. Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam</p>	2	<p>Hiểu được khái niệm và đặc trưng của dân tộc. Phân tích được hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc. Trình bày được CLDT của CN Mác-Lênin, TT HCM về dân tộc và quan hệ dân tộc.</p> <p>- Vận dụng, phân tích vấn đề dân tộc trong TKQĐ lên CNXH ở VN</p>	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập. - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện.	
12	Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã	2		CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài liệu [1], máy	- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu,	

	<p>hội</p> <p>Bài tập: Vận dụng, phân tích vấn đề phát triển dân tộc ở Việt Nam, ở địa phương hiện nay.</p> <p>6.2. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>6.2.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề tôn giáo</p> <p>6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay</p> <p>6.3. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</p> <p>6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</p>		<p>- Vận dụng được vào thực tiễn xã hội, địa phương.</p> <p>- Hiểu được khái niệm, bản chất, nguồn gốc, tính chất, chức năng của tôn giáo.</p>	<p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>	<p>tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>chuẩn bị bài tập.</p> <p>- Phân CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện.</p> <p>.</p>	
13	<p>Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay</p> <p>Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p>	2	<p>- Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến quan điểm, chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo ở VN hiện</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p>	<p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>- Phân CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.</p> <p><u>Bài tập</u>: Trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan</p>	

	<p>7.1. Khái niệm, vị trí, chức năng của gia đình</p> <p>7.1.1. Khái niệm gia đình</p> <p>7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội</p> <p>7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình</p>		<p>nay.</p> <p>- Hiểu được khái niệm, vị trí, chức năng và các hình thức gia đình trong lịch sử.</p>			<p>đến quan điểm, chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo ở VN hiện nay?</p> <p>- Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện.</p>	
14	<p>Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội</p> <p>7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội</p> <p>7.2.3. Cơ sở văn hóa</p> <p>7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ</p> <p>7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>7.3.1. Những yếu tố tác động đến gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p>	2	<p>- Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến quan điểm, chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo ở VN hiện nay.</p> <p>- Hiểu được khái niệm, vị trí, chức năng và các hình thức gia đình trong</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>	<p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng</p>	<p>- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.</p> <p><u>Bài tập</u>: Trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam hiện nay?</p> <p>- Phần CB trên</p>	

			<p>lịch sử.</p> <p>- Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam hiện nay</p>			<p>lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện.</p>	
15	<p>Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>7.3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>- Kiểm tra tín chỉ 2</p>	2		<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>	<p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.</p> <p>- Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện</p>	A2.2
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì:			<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p>			A3

				CLO6			
--	--	--	--	------	--	--	--

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Nguyễn Thị Anh Khuyên	2021	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học - không chuyên LLCT)	Giáo trình nội bộ Trường ĐHQB
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Đảng Cộng sản Việt Nam	2011	Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	NXB CTQG, Hà Nội
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2001	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4	Nguyễn Thị Thanh	2011	Về chủ nghĩa Mác – Lênin chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	NXB Chính trị – Hành chính.
5	Hoàng Tùng	1997	Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Tuyên ngôn khoa học và cách mạng	NXB Chính trị Quốc gia.

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A	máy tính, projector	1	Chương 1 đến chương 7

	Giảng đường C			
2				

9. Holistic Rubric đánh giá

9.1 Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)

- Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Đi học < 40%	40% <= Đi học < 55%	55% <= Đi học < 70%	70% <= Đi học < 85%	Đi học >=85%	60%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	40%

9.2 Đánh giá bài tập (Work Assignment)

- Rubric 2: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí	Mức độ đạt chuẩn quy định	Trọng
----------	---------------------------	-------

đánh giá	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	số
Nộp bài tập	Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao	Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Kém	Còn rất nhiều lỗi	Còn nhiều lỗi	Tương đối tốt	Rất tốt	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

9.3 Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

- Rubric 3: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung chưa phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa tốt. Hình ảnh minh họa, trình bày còn hạn chế.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa, trình bày còn hạn chế.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	50%
Trình	Slide trình bày quá sơ	Slide trình bày với số	Slide trình bày với bố cục logic, rõ	Slide trình bày với bố cục logic, rõ	Slide trình bày với bố cục logic, rõ	25%

bày slide	sai, không đủ số lượng theo quy định	lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusion)	ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	25%

9.4 Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

Quảng Bình, ngày tháng năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

T.S.GVC. Nguyễn Văn Duy

Th.S GVC Lương Thị Lan Huệ

Th.S Nguyễn Thị Anh Khuyên